

Bình Phước, ngày 14 tháng 10 năm 2021

Số: /BC-SLĐTBXH

BÁO CÁO
Kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ
cải cách hành chính nhà nước phục vụ Đoàn kiểm tra 1454

Thực hiện Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 28/4/2021 của UBND tỉnh về kiểm tra công tác cải cách hành chính Nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Công văn số 818/ĐKT 1454 ngày 07/6/2021 của Đoàn kiểm tra 1454 về việc báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Sở) báo cáo kết quả tự kiểm tra công tác cải cách hành chính (CCHC), cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Việc ban hành kế hoạch CCHC nhà nước tại cơ quan, đơn vị và công tác triển khai thực hiện

Sở đã ban hành Kế hoạch số 10/KH-SLĐTBXH ngày 19/01/2021 về thực hiện công tác CCHC năm 2021 và căn cứ Kế hoạch của Sở, 03 đơn vị trực thuộc Sở cũng xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2021.

Kế hoạch CCHC năm 2021 của Sở, đơn vị trực thuộc Sở gồm có 06 nhiệm vụ về: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, Sở tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) đảm bảo nội dung, thời gian yêu cầu.

2. Việc triển khai các văn bản chủ đạo CCHC của tỉnh

Sở đã quán triệt, triển khai đầy đủ, kịp thời tất cả các văn bản chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ CCHC của tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (CBCCVCLĐ) cơ quan, đơn vị bằng các hình thức như: ban hành kế hoạch triển khai, quán triệt tại cuộc họp cơ quan, đơn vị và chuyển văn bản của tỉnh đến CBCCVCLĐ trên phần mềm quản lý văn bản.

Sở đã ban hành 13 văn bản gồm có 07 Kế hoạch, 02 Quyết định, 04 Công văn (danh sách 13 văn bản kèm theo) chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, nội dung công tác CCHC đến các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở để tổ chức triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ CCHC theo các văn bản chủ đạo CCHC của tỉnh.

3. Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền CCHC

Sở đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến những nội dung, nhiệm vụ, quy định mới liên quan công tác CCHC đến toàn thể CBCCVCLĐ cơ quan, đơn vị và người dân thông qua các hình thức như: Tại buổi sinh hoạt “Ngày pháp luật”; đăng tải nhiều bài viết, thông tin tại mục CCHC trên Trang thông tin điện tử của Sở, của đơn vị trực thuộc, chuyển văn bản, nội dung tuyên truyền qua hồ sơ công việc của CBCCVCLĐ trên phần mềm quản lý văn bản, thông qua công chức tiếp nhận hồ sơ của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh cũng như bộ phận tiếp nhận hồ sơ của 03 đơn vị trực thuộc. Ngoài ra, còn cử 01 công chức tham gia Hội thi tuyên truyền CCHC của tỉnh.

4. Công tác kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện văn hóa công vụ

Thực hiện Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ CCHC trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Bản cam kết thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2021 với Chủ tịch UBND tỉnh, Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Giám đốc Sở đã quán triệt, ban hành văn bản yêu cầu CBCCVCLĐ thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, đồng thời giao Văn phòng Sở theo dõi việc thực hiện nội quy, quy chế cơ quan.

Sở cũng đã tiến hành kiểm tra trực tiếp 04 đơn vị (03 phòng chuyên môn, 01 đơn vị trực thuộc Sở) và kiểm tra qua báo cáo đối với 04 đơn vị và Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở trong thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC nói chung và việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của CBCCVCLĐ nói riêng.

Qua công tác kiểm tra, theo dõi, nhìn chung CBCCVCLĐ cơ quan, đơn vị đảm bảo thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nghiêm túc thực hiện các quy định văn hóa công sở và thực hiện tốt Quy tắc ứng xử của CBCCVCLĐ ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

5. Các sáng kiến, giải pháp CCHC tại cơ quan, đơn vị

Theo quy định tại Quyết định số 02/QĐ-SLĐTBXH ngày 07/01/2021 của Sở về xét, công nhận sáng kiến thì trước ngày 31/01 hằng năm, CBCCVCLĐ đăng ký sáng kiến gửi Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở. Hiện có 21 sáng kiến được xét duyệt, trong đó có 06 sáng kiến liên quan đến CCHC.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CCHC

1. Cải cách thể chế

- Tổ chức rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, vấn đề chính sách và đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 01 Quyết định¹, đề nghị UBND tỉnh trình

¹ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội (gồm có 20 Quyết định).

HĐND tỉnh đề nghị xây dựng 05 Nghị quyết² của HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2021; lấy ý kiến đối tượng, cơ quan, tổ chức liên quan đối với việc đề nghị xây dựng 02 Nghị quyết³ của HĐND tỉnh. Bên cạnh đó, qua rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Sở kiến nghị xử lý 03 Quyết định QPPL⁴.

- Tham gia đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khi đơn vị chủ trì gửi lấy ý kiến đóng góp. Tham gia Tổ rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề của tỉnh năm 2021, trên cơ sở kết quả rà soát Sở đã kiến nghị xử lý một số nội dung của 03 văn bản QPPL của Trung ương và 08 văn bản QPPL của tỉnh thuộc lĩnh vực quản lý của ngành do chồng chéo, gây khó khăn cản trở cũng như không còn phù hợp với tình hình thực tế.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Thường xuyên rà soát quyết định công bố thủ tục hành chính (TTHC) của Trung ương với mục tiêu cắt giảm thời gian, chi phí giải quyết, rà soát các biểu mẫu, tờ khai. Kết quả đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 08 Quyết định công bố TTHC, với 08 TTHC được công bố mới, 32 TTHC sửa đổi, bổ sung và 08 TTHC bãi bỏ và 01 Quyết định công bố quy trình giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hiện, toàn ngành có tổng số 166 TTHC. Bộ TTHC của ngành cắt giảm được 32,82% thời gian so với quy định của trung ương.

- Tất cả TTHC thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở, đơn vị trực thuộc được công khai đúng quy định; công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, trên Website dichvucong.binhphuoc.gov.vn, trên Website của Sở, Website: vieclambinhphuoc.gov.vn và niêm yết tại bảng thông báo của các đơn vị trực thuộc.

- Hoàn thành việc công khai 165/166 TTHC thực hiện trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt 99,39%. Còn 01 TTHC (Giám định vết thương còn sót, Mã số TTHC: 1.002382.000.00.00.H10) chưa công khai do phải giám định thương tật.

² 1) Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 11/2006/NQ-HĐND ngày 21/7/2006 của HĐND tỉnh về mức thu học phí và phí dự thi, dự tuyển đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề công lập trên địa bàn tỉnh; (2) Nghị quyết thông qua đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; (3) Nghị quyết quy định lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh; (4) Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh; (5) Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh.

³ (1) Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ chi phí lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước, đảng, đoàn thể, các đối tượng chính sách người có công khi từ trần; (2) Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2025.

⁴ (1) Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 28/01/2010 ban hành Quy định về hỗ trợ mai táng phí đối với CBCCVC nhà nước, đảng, đoàn thể, cán bộ hưu trí, mất sức và đối tượng chính sách từ trần; (2) Quyết định số 44/2011/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 ban hành Quy chế quản lý kinh phí chi thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Bình Phước; (3) Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Phước.

- Tiếp nhận và giải quyết **39.444** hồ sơ TTHC, gồm có: 281 hồ sơ TTHC tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; 39.158 hồ sơ TTHC tiếp nhận tại Trung tâm Dịch vụ việc làm; 02 hồ sơ TTHC tiếp nhận tại Cơ sở Cai nghiện ma túy; 03 hồ sơ TTHC tiếp nhận tại Trung tâm Bảo trợ xã hội. Ngoài ra, giải quyết 638 hồ sơ liên thông lĩnh vực người có công (506 hồ sơ tỉnh, huyện, xã; 132 hồ sơ tỉnh, huyện).

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Tổ chức bộ máy của Sở thực hiện đúng theo Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh, đã thực sự tinh gọn và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao với 05 phòng chuyên môn và 03 đơn vị trực thuộc; đã sử dụng 42/42 biên chế hành chính, 34/52 biên chế sự nghiệp và 57/82 biên chế hợp đồng lao động theo Nghị định 68 được giao.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Đã xây dựng và thực hiện tốt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2021. CBCCVC đảm bảo các kỹ năng và năng lực cần thiết thực hiện nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng quản lý của ngành.

- Cử 02 công chức đi học Cao cấp lý luận chính trị, 02 viên chức học lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính, 02 công chức lãnh đạo học lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp, 06 viên chức đi học lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên; điều động 03 công chức lãnh đạo, thực hiện quy trình bổ nhiệm lại 01 công chức lãnh đạo; quyết định thăng hạng từ hạng IV lên hạng III đối với 04 viên chức; tiếp nhận 01 công chức từ đơn vị khác chuyển đến và tuyển dụng 01 công chức để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công vụ. Ngoài ra, còn cử CBCCVC tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ phục vụ công tác do tỉnh, trung ương tổ chức.

5. Việc thực hiện các quy định về cải cách tài chính công

Thực hiện tốt quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính ở Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc theo qui định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; thực hiện nghiêm chương trình hành động phòng, chống tham nhũng, chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí của ngành trong các lĩnh vực: xác nhận hồ sơ, công nhận đối tượng, đầu tư xây dựng cơ bản, thu chi ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công...

6. Hiện đại hóa hành chính nhà nước

- Tổ chức tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước thông qua các phần mềm cơ sở dữ liệu đối với lĩnh vực công tác của ngành như: quản lý lao động việc làm, người có công, bảo vệ chăm sóc trẻ em, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo...; sử dụng phần mềm hệ thống quản lý văn bản, giải quyết TTHC trên Hệ thống một cửa điện tử, tiếp nhận trực tuyến hồ sơ TTHC; thực hiện chữ ký số, sử dụng thư công vụ.

- Phòng chuyên môn Sở đã lập trình đưa vào sử dụng phần mềm tìm mộ liệt sĩ (Phòng Người có công).

- Hoàn thành việc công khai thực hiện trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia đối với 165/166 TTHC, đạt 99,39%. Toàn ngành có 163/166 TTHC thực hiện mức độ 4, đạt 98,1%.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông khảo sát phần mềm Bảo hiểm thất nghiệp để triển khai kết nối Cổng dịch vụ công của tỉnh.

- Đang áp dụng thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động cơ quan.

III. KẾT QUẢ KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Sở và các đơn vị trực thuộc Sở duy trì khảo sát sự hài lòng người dân, tổ chức trong giải quyết TTHC theo Kế hoạch số 29/KH-SLĐTBOXH ngày 01/3/2016 Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính công trong giải quyết thủ tục hành chính của Sở và Công văn số 805/SLĐTBOXH-VP ngày 21/5/2020.

Đối với TTHC thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh do Trung tâm tiến hành khảo sát. Đối với TTHC tiếp nhận tại các đơn vị trực thuộc Sở, thì Trung tâm Dịch vụ việc làm (đơn vị trực thuộc Sở) tổ chức khảo sát với số phiếu phát ra là 390 phiếu, số phiếu thu về là 390 phiếu, kết quả tỷ lệ rất hài lòng, hài lòng rất cao (cụ thể theo Phụ lục 4)

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Sở luôn quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ CCHC; tập trung cải cách TTHC; chú trọng xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

Bộ TTHC của ngành đã cắt giảm được 32,82% thời gian so với quy định của trung ương; 98,1% TTHC của ngành thực hiện mức độ 4; 99,39% TTHC của ngành được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia; các lĩnh vực hoạt động của ngành được tin học hoá. Cơ cấu tổ chức bộ máy đúng quy định đáp ứng các yêu cầu của nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho CBCCVC; CBCCVC đảm bảo thực hiện nghiêm nội quy, quy chế cơ quan, kỷ luật, kỷ cương hành chính.

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số công chức, viên chức chưa sử dụng mail công vụ.

- Hồ sơ TTHC tiếp nhận trực tuyến tại Trung tâm dịch vụ việc làm (đơn vị thuộc Sở) chưa nhiều.

3. Nguyên nhân dẫn đến tồn tại, hạn chế

- Một số công chức, viên chức không phát sinh nhu cầu sử dụng mail công vụ; ngoài ra, việc trao đổi công việc qua các nền tảng mạng xã hội zalo, các nhóm zalo hiện nay rất phổ biến, thuận tiện nên không phát sinh nhu cầu sử dụng mail công vụ.

- Trung tâm Dịch vụ việc làm thực hiện tiếp nhận, giải quyết 10 TTHC lĩnh vực việc làm, bảo hiểm thất nghiệp (Mức độ 4: 08 TTHC. Mức độ 2: 02 TTHC) tại đơn vị theo diện đặc thù với lượng hồ sơ phát sinh rất nhiều (TTHC công bố mức độ 4, trong kỳ báo cáo phát sinh 21.192/39.158 hồ sơ). Mặc dù, Trung tâm đã rất cố gắng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người lao động thực hiện hồ sơ trực tuyến nhưng đối tượng, người lao động chưa quen nộp hồ sơ trực tuyến.

4. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị Đoàn kiểm tra 1454 kiến nghị UBND tỉnh quan tâm bố trí kinh phí cho công tác CCHC để Sở có điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ CCHC; đặc biệt là cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, vì hằng năm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có đề xuất dự toán cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tuy nhiên, Sở Tài chính đề nghị cân đối trong kinh phí chi hoạt động thường xuyên. Nhưng nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên còn hạn chế nên chưa cân đối chi cho nội dung này.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước phục vụ Đoàn kiểm tra 1454, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lưu : VT, VP (TL1).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

DANH SÁCH**Văn bản triển khai các văn bản chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh**

1. Kế hoạch số 10/KH-SLĐTBOXH ngày 19/01/2021 về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021.
2. Kế hoạch số 32/KH-SLĐTBOXH ngày 02/3/2021 về thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC năm 2021.
3. Kế hoạch số 39/KH-SLĐTBOXH ngày 15/3/2021 về truyền thông hỗ trợ hoạt động cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC năm 2021.
4. Kế hoạch số 68/KH-SLĐTBOXH ngày 26/4/2021 về đánh giá việc giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và rà soát đơn giản hóa TTHC, chuẩn hóa nâng cấp Dịch vụ công năm 2021.
5. Kế hoạch số 99/KH-SLĐTBOXH ngày 28/5/2021 về nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2021.
6. Kế hoạch số 167/KH-SLĐTBOXH ngày 19/7/2021 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021.
7. Kế hoạch số 224/KH-SLĐTBOXH ngày 30/8/2021 về thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.
8. Quyết định số 66/QĐ-SLĐTBOXH ngày 06/8/2021 về phân công nhiệm vụ thực hiện và chấm điểm Chỉ số CCHC.
9. Quyết định số 72/QĐ-SLĐTBOXH ngày 29/8/2021 thành lập Đoàn kiểm tra công tác CCHC năm 2021.
10. Công văn số 739/SLĐTBOXH-VP 11/05/2021 về đẩy mạnh thực hiện TTHC trực tuyến.
11. Công văn 753/SLĐTBOXH-VP ngày 12/5/2021 tập trung rà soát TTHC.
12. Công văn số 987/SLĐTBOXH-VP 14/6/2021 về thực hiện nhiệm vụ CCHC.
13. Công văn số 1454/SLĐTBOXH-VP ngày 13/8/2021 thực hiện dịch vụ công trực tuyến hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Phụ lục 1
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TẠI SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Kể từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm báo cáo)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC của cơ quan, đơn vị			
1.1	Kế hoạch CCHC		1	
1.1.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	6	
1.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	6	
1.1.3	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	13	
1.2	Kiểm tra CCHC			
1.2.1	Số phòng chuyên môn đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	5	
	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	
1.2.2	Số cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số UBND xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.2.3	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	5	
1.2.4	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	4	
1.3	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND giao			
1.3.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	7	
1.3.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	7	
1.3.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1	Số lượng phiếu khảo sát tại cơ quan, đơn vị	Số lượng	390	Tại Trung tâm Dịch vụ việc làm
Trong đó	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
	Kết quả khảo sát	Rất hài lòng: .../...	Rất hài lòng:	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		phiếu Hài lòng: .../... phiếu Bình thường: .../... phiếu Không hài lòng: .../... phiếu Rất không hài lòng: .../... phiếu	275/390 phiếu Hài lòng: 108/390 phiếu Bình thường: 07/390 phiếu Không hài lòng: 0 phiếu Rất không hài lòng: 0 phiếu	
1.4.2	Số lượng phiếu khảo sát cấp xã trên địa bàn quản lý			
Trong đó	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		UBND cấp huyện tổng hợp
	Kết quả khảo sát	Rất hài lòng: .../... phiếu Hài lòng: .../... phiếu Bình thường: .../... phiếu Không hài lòng: .../... phiếu Rất không hài lòng: .../... phiếu		
1.5	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
2.	Cải cách thể chế			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	1	
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.3	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	8	
2.4	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	5	
2.5	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	5	Đang tham mưu UBND tỉnh
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thống kê TTHC			
3.1.1	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	8	
3.1.2	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	8	
3.1.3	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	166	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	100	- Tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC: 81 - Tỉnh hoặc huyện hoặc xã: 2 - Tỉnh hoặc huyện: 5 - Đơn vị trực thuộc Sở: 12
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	12	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	14	
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Thủ tục	110	- Cấp tỉnh: 81 (Tiếp nhận tại TTPVHCC) - Tỉnh, huyện, xã: 25 - Tỉnh, huyện: 4

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	81	Cấp tỉnh: 81 (Tiếp nhận tại TTPVHCC)
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	29	- Tỉnh, huyện, xã: 25 - Tỉnh, huyện: 4
3.2.3	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.2.4	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định	%	99,99	
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		UBND cấp huyện tổng hợp
3.3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi quá hạn giải quyết (nếu có)	%		
3.4	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.4.1	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	165	165 TTHC tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia
3.4.2	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	163	
3.4.3	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục	8	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1	Số phòng chuyên môn/cơ quan chuyên môn	Cơ quan, đơn vị	5	
4.1.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	3	
4.1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đã cắt giảm so với năm 2015	%	25	
4.2	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	42	
4.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	42	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
4.2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	20,25%	42/53
4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có)			
4.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	52	TTDVVL 14; TTBTXH 21; CSCNMT: 13. Bộ phận quản lý nghĩa trang liệt sỹ tỉnh: 4
4.3.2	Tổng số người làm việc có mặt	Người	34	TTDVVL 8; TTBTXH 10; CSCNMT: 13. Bộ phận quản lý nghĩa trang liệt sỹ tỉnh: 3
4.3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	5	
4.3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	8,77%	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1	Số phòng chuyên môn/cơ quan chuyên môn đã xây dựng vị trí việc làm và được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		Đang xây dựng nhưng chờ hướng dẫn theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020
5.1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã xây dựng vị trí việc làm và được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	3	Sở đã thẩm định trình Sở Nội vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.1.3	Số cơ quan, đơn vị có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	1	
5.2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.4	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.5	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		UBND cấp huyện tổng hợp
5.3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc cơ quan, đơn vị được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.3	Số lãnh đạo đơn vị sự nghiệp được bổ nhiệm mới (nếu có)	Người		
5.4	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1	Số cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật (nếu có)	Người	0	
5.4.3	Số cán bộ, công chức cấp xã thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		UBND cấp huyện tổng hợp
6.	Cải cách tài chính công			
6.1	Số đơn vị SNCL (nếu có) đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2	Số đơn vị SNCL (nếu có) đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.3	Số đơn vị SNCL (nếu có) đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	2	Cơ sở Cai nghiệm ma túy tỉnh, Trung

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				tâm Dịch vụ việc làm tỉnh
6.4	Số đơn vị SNCL (nếu có) do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	1	
6.5	Số lượng đơn vị SNCL (nếu có) đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến	Chưa có = 0 Hoàn thành = 1	0	
7.3	Thực hiện chữ ký số	Chưa thực hiện = 0 Đã thực hiện = 1	1	
7.4	Dịch vụ công trực tuyến			
7.4.1	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	0	
7.4.2	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	163	
7.4.3	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0	
7.4.4	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	2,05	- Đối với hồ sơ tiếp nhận tại TTPVHCC đạt 96,8% - Đối với hồ sơ tiếp nhận tại đơn vị trực thuộc Sở đạt 0,84%
7.5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.5.1	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành	Văn bản	2.133	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		

TỔNG CỘNG	39.444	455	7	38.982	39.442	39.442	2				1
------------------	---------------	------------	----------	---------------	---------------	---------------	----------	--	--	--	----------

Lý do 02 hồ sơ trễ hạn:

- Hồ sơ mã 000.00.07.H10-210412-0003: Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu. Do quy trình điện tử tại bước UBND tỉnh chậm bấm tiếp nhận, giải quyết trên phần mềm, nhưng thực tế hồ sơ trả kết quả đúng hạn nên không làm văn bản xin lỗi người dân.
- Hồ sơ mã 000.00.07.H10-210706-0004: Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ. Do công chức giải quyết chậm bấm tiếp nhận, giải quyết trên phần mềm và trình tự giải quyết hồ sơ này có lấy ý kiến Cục Người có công, nhưng đến ngày hẹn trả Sở vẫn chưa nhận được ý kiến của Cục.

Phụ lục 4

**KẾT QUẢ KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC
TẠI SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

(Kể từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm báo cáo)

STT	Lĩnh vực	Số lượt người dân, tổ chức đã giao dịch giải quyết TTHC	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu vào	Kết quả khảo sát (số phiếu và %)					Ghi chú
					Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng	
I	Các lĩnh vực tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công									
Do Trung tâm Phục vụ Hành chính khảo sát và theo Báo cáo 9 tháng đầu năm 2021 của Trung tâm: Số phiếu khảo sát của Sở là: 19 phiếu, trong đó 2 phiếu rất hài lòng, đạt 10,53% và 17 phiếu hài lòng, đạt 89,47%										
II	Các lĩnh vực tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Dịch vụ việc làm (đơn vị thuộc Sở)									
1	Lĩnh vực Bảo hiểm thất nghiệp	7.053	390	390	275 phiếu (đạt 70,51%)	108 phiếu (đạt 27,69%)	07 phiếu (đạt 1,79%)			
III	Kết quả khảo sát trên phần mềm dịch vụ công									
		455	0	0						
Tổng		7.508	390	390	275 phiếu (đạt 70,51%)	108 phiếu (đạt 27,69%)	07 phiếu (đạt 1,79%)			